TAND HUYỆN LG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do-Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐST-DS	*LG, ngày 02 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; 470; Điều 357; khoản 2 Điều 468; Điều 615; Điều 651; khoản 8 Điều 658 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27; Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hoà giải ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 143/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2021.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các bên đương sự được ghi trong biên bản hòa giải TH về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giả TH, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Khắc TH, sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn 12, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-*Bị đơn*: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 10, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1958

2. Chị Đỗ Thị H2, sinh năm 1986

3. Anh Đỗ Huy H3, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Thôn 10, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

4. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 12, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Đỗ Khắc TH và bà Bùi Thị L thống nhất thỏa thuận bà Bùi Thị L có trách nhiệm trả ông Đỗ Khắc TH (khoản tiền do ông Đỗ Huy Đ là chồng bà L (đã chết) vay các ngày 12/01/2018 và ngày 15/5/2018 tổng số tiền gốc là **24.000.000** (Hai mươi bốn triệu) đồng và thống nhất thỏa thuận thời gian thanh toán số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 28/5/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/6/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/7/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/8/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/9/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/10/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/11/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/12/2022 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/01/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/02/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/3/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/4/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/5/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/6/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/7/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/8/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/9/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/10/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/11/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/12/2023 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/01/2024 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/02/2024 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/3/2024 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;
- Ngày 28/4/2024 trả số tiền gốc là 1.000.000 (một triệu) đồng;

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Đỗ Khắc TH, bà Bùi Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Đương sự;
- VKSND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Quỳnh Hoa